

Số: 11/2024/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình
Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 6879/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét.

b) Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

c) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; sống ở nơi ô nhiễm môi trường.

d) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền.

đ) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm 2023 trở về trước đang sinh sống tại các khu vực không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn.

e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách bố trí ổn định dân cư thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Phạm vi và đối tượng của Chương trình không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Ưu tiên thực hiện chính sách hỗ trợ các hộ dân tại các vùng thiên tai, có nguy cơ cao về thiên tai; vùng biên giới có vị trí trọng yếu về chính trị, quốc phòng, an ninh; vùng đặc biệt khó khăn; khuyến khích việc sắp xếp, bố trí dân cư theo hình thức xen ghép.



2. Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần khi về nơi ở mới hoặc được bố trí, sắp xếp ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng đối tượng và kịp thời.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân

1. Hỗ trợ xây dựng nhà ở:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi về sinh sống tại khu vực tái định cư tập trung hoặc xen ghép được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ; hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi về sinh sống tại khu vực tái định cư tập trung hoặc xen ghép được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ.

2. Hỗ trợ nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai: Hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi phải bố trí ổn định tại chỗ do không có quỹ đất để bố trí tái định cư, mức hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ; đối với hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, mức hỗ trợ 15 kg gạo/khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng. Phương thức hỗ trợ bằng gạo hoặc bằng tiền mặt tương ứng với 15 kg gạo/khẩu/tháng theo công bố giá gần nhất của cơ quan có thẩm quyền.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.



2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá IV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024./. *plh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Đắk Nông; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HC-TC-QT.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung